

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
nguồn vốn ngân sách địa phương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2591/SKHĐT-THQH ngày 01 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương, như sau:

1. Tổng vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương là 16.880.373 triệu đồng, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng.

Số TT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương
	TỔNG SỐ	16.880.373
1	Vốn đầu tư tập trung	6.918.800
2	Vốn thu xổ số kiến thiết	7.972.773
3	Vốn thu tiền sử dụng đất	1.784.000
4	Vốn bội chi ngân sách địa phương	204.800

2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ:

a) Thực hiện theo các quy định nêu tại khoản 1 Điều 3 của Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và Điều 4 của Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương.

b) Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn thu xổ số kiến thiết tại các văn bản: Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2020 - 2022, kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021 - 2025; Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020 về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm 2021 - 2023 và Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2021 về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm 2022 - 2024, cụ thể: các địa phương dự toán sát nguồn thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả số thu được phân chia từ hoạt động xổ số điện toán) và tiếp tục sử dụng toàn bộ nguồn thu từ xổ số kiến thiết cho đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề (bao gồm cả đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông) và lĩnh vực y tế; phần còn lại ưu tiên chi thực hiện các công trình, dự án đầu tư phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu, nông thôn mới và các nhiệm vụ đầu tư quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

3. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương:

Tổng vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương là 16.880.373 triệu đồng, phân bổ như sau:

a) Phân bổ cho các địa phương cấp huyện quản lý là 2.582.670 triệu đồng, bao gồm: vốn đầu tư tập trung là 1.982.670 triệu đồng và vốn thu tiền sử dụng đất là 600.000 triệu đồng.

b) Cấp tỉnh quản lý là 14.297.703 triệu đồng:

- Dự phòng chung là 1.359.113 triệu đồng, bao gồm: vốn đầu tư tập trung là 493.613 triệu đồng, vốn thu xổ số kiến thiết là 775.500 triệu đồng, vốn thu tiền sử dụng đất là 90.000 triệu đồng.

- Số vốn thu tiền sử dụng đất do cấp tỉnh quản lý là 1.094.000 triệu đồng, thực hiện phân bổ theo quy định.

- Số vốn bồi chi ngân sách địa phương là nguồn vốn vay lại là 204.800 triệu đồng, phân bổ cho các dự án có sử dụng nguồn vốn ngoài nước theo quy định.

- Số vốn còn lại là 11.639.790 triệu đồng, bao gồm vốn đầu tư tập trung là 4.442.517 triệu đồng và vốn thu xổ số kiến thiết là 7.197.273 triệu đồng, phân bổ cho các dự án thuộc các ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Danh mục và kế hoạch vốn chi tiết theo các Phụ lục II.A và II.B đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương đến các chủ đầu tư, các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Đối với nguồn vốn thu tiền sử dụng đất do cấp tỉnh quản lý và nguồn vốn bội chi ngân sách địa phương, giao Sở Tài chính phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ.

Đối với nguồn vốn do cấp huyện quản lý, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ vốn và danh mục công trình theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

2. Yêu cầu các chủ đầu tư rà soát, điều chỉnh lại thủ tục đầu tư (về quy mô, cơ cấu nguồn vốn, thời gian thực hiện,...) cho phù hợp với mức vốn được giao thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025.

3. Đối với các chương trình, dự án chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, chưa đủ điều kiện giao kế hoạch vốn: yêu cầu các chủ đầu tư rà soát, phối hợp các sở, ngành liên quan khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư, báo cáo về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý đối với các chương trình, dự án này.

4. Quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, xử lý. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi tình hình thực hiện, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo)
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Kiểm toán nhà nước khu vực IX;
- TT.TU, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch & các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, P. K'TH, KTN & KGVX;
- Lưu: HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Phước

(Biểu đính kèm Tờ trình số 659/TT-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Số TT	Nội dung dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Nhóm dự án (A,B,C)	Thời gian KC-ITT	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Lấy kế hoạch triển khai đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương					Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng vốn	Trong đó:		Số Quyết định	Tổng vốn	Trong đó:		Tổng số (NST)	Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu xếp xã hội khác	Vốn thu ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương	Tổng số (NST)	Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu xếp xã hội khác	Vốn thu ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương		
								Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác			Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
11	AN NINH VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI						100.000	100.000			100.000	100.000							90.000	90.000					
	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						100.000	100.000			100.000	100.000							90.000	90.000					
	a. Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025						100.000	100.000			100.000	100.000							90.000	90.000					
	Dự án chưa có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư						100.000	100.000			100.000	100.000							90.000	90.000					
1	Đầu tư xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang	Toàn tỉnh		B	2021-2024		100.000	100.000			100.000	100.000							90.000	90.000				Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG	
III	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP						#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!		
	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!		
	a. Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025						50.988	50.988			50.988	50.988							50.000	50.000					
	Dự án chưa có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư						50.988	50.988			50.988	50.988							50.000	50.000					
3	Thiết bị dạy học khối lớp 2 phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông năm 2021-2022	Toàn tỉnh		C	2022-2024		35.996	35.996			35.996	35.996							35.500	35.500				Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG	
4	Thiết bị dạy học khối lớp 6 phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông năm 2021-2022	Toàn tỉnh		C	2022-2024		14.992	14.992			14.992	14.992							14.500	14.500				Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG	
	b. Dự án hoàn thành sau năm 2025						#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!		
	Dự án chưa có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư						#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!		
1	THPT Vĩnh Thới	TS		C			31.500	31.500			31.500	31.500							14.175	14.175				Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG	
2	Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và phần kỹ thuật phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 - 2025	Toàn tỉnh		B	2021-2025		996.300	996.300			996.300	996.300							440.000	440.000				Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG và Ban QLDA DTXD Khu vực các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định 1416/QĐ-TTg 19/10/2018 của Thủ tướng CP
3	Đề án trường chuẩn quốc gia						#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!		
3.1	Thị xã Tân Châu						32.941	32.941			32.941	32.941							14.824	14.824					
	2. Trường THPT Vĩnh Xương	TC	Xây dựng mới: một số phòng học; 0199 Khối phòng hỗ trợ học tập...	C	2022-2024		32.941	32.941			32.941	32.941							14.824	14.824				Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG	
	7. Trường THPT Cần Đăng	CT		C	2021-2023		28.822	28.822			28.822	28.822							12.970	12.970				Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Mã dự án	Năm dự án (A,B,C)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Lay kế bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương					Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng vốn	Trong đó:		Số Quyết định	Tổng vốn	Trong đó:		Tổng số (NST)	Vốn đầu tư tập trung	Trong đó:			Tổng số (NST)	Vốn đầu tư tập trung	Trong đó:				
								Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác			Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác			Vốn thu từ xã	Vốn thu từ xã kiến thiết	Vốn thu từ xã sử dụng đất			Bội chi ngân sách địa phương	Vốn thu từ xã	Vốn thu từ xã kiến thiết		
	a. Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025						#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!			
	Dự án chưa có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư						#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!			
2	Trồng tu cải tạo đi tích lịch xã Nhà Mỏ Ba Chúc	TT		C	2021-2023		5.000	5.000			5.000	5.000								5.000		5.000		Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG	
VIS	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN						240.700	240.700			240.700	240.700								97.437	97.437				
	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						240.700	240.700			240.700	240.700								97.437	97.437				
	a. Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025						94.713	94.713			94.713	94.713								70.758	70.758				
	Dự án chưa có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư						94.713	94.713			94.713	94.713								70.758	70.758				
1	Xây dựng bản đồ số doanh nghiệp tỉnh An Giang	Toàn tỉnh		C	2021-2025		3.000	3.000			3.000	3.000								3.000	3.000			Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG	
2	Thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, điều hành kế hoạch đầu tư công tại Sở Kế hoạch và Đầu tư	LX		C	2021-2025		2.000	2.000			2.000	2.000								2.000	2.000			Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG	
3	Tạo quỹ đất và đầu tư hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh An Giang	LX	5,9 ha	B	2021-2023		89.713	89.713			89.713	89.713								65.758	65.758			Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG	
	1) Dự án hoàn thành sau năm 2025						145.987	145.987			145.987	145.987								26.679	26.679				
	Dự án chưa có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư						145.987	145.987			145.987	145.987								26.679	26.679				
1	Trung tâm dữ liệu, điều hành thông minh" (IOC) tỉnh An Giang	Toàn tỉnh		C	2021-2025		41.500	41.500			41.500	41.500								5.239	5.239			Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG	
2	Hệ thống giám sát an toàn không gian mạng	Toàn tỉnh		C	2021-2025		22.000	22.000			22.000	22.000								5.000	5.000			Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG	
3	Đầu tư mua sắm trang thiết bị CNTT phục vụ chuẩn hóa mô hình thiết kế	Toàn tỉnh		C	2021-2025		29.000	29.000			29.000	29.000								5.000	5.000			Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG	
4	Hệ thống báo mội Endpoint	Toàn tỉnh		C	2021-2025		33.487	33.487			33.487	33.487								5.000	5.000			Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG	
5	Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực	Toàn tỉnh		C	2021-2025		20.000	20.000			20.000	20.000								6.440	6.440			Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG	
VII	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI						#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	
	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	
	a. Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025						28.796	28.796			28.796	28.796								26.216	26.216				
	Dự án chưa có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư						28.796	28.796			28.796	28.796								26.216	26.216				
5	Trụ sở làm việc của Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	LX	nhà làm việc 1 vị + 2 lần	C	2021-2023		3.000	3.000			3.000	3.000								3.000	3.000			Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG	
7	Mua sắm thiết bị hỗ trợ công trình kho lưu trữ chuyển dụng tỉnh	LX	mua sắm thiết bị	C	03 năm		25.796	25.796			25.796	25.796								23.216	23.216			Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG	
VIII	XÃ HỘI						14.986	14.986			14.986	14.986								14.936		14.936			
	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						14.986	14.986			14.986	14.986								14.936		14.936			
	a. Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025						14.986	14.986			14.986	14.986								14.936		14.936			
	Dự án chưa có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư						14.986	14.986			14.986	14.986								14.936		14.936			
1	Nâng cấp Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh	LX	Xây mới nhà nuôi dưỡng, nuôi nhốt quản lý, Chăm sóc, khôi phục y tế, ...	C	2021-2023		14.986	14.986			14.986	14.986								14.936		14.936		Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG	

PHỤ LỤC II.A
PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Bảng đính kèm Từ trình số 639 /TTT-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Dự án đầu tư	Năng lực thiết kế	Mô hình dự án (A,B,C)	Thời gian K.C. - H.T	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Lay kế bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương					Chức năng đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng vốn	Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác	Số Quyết định	Tổng vốn	Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác	Tổng số (NST)	Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu xếp số kiến thiết	Vốn thu xếp số dự án đất	Bội chi ngân sách địa phương	Tổng số (NST)	Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu xếp số kiến thiết	Vốn thu xếp số dự án đất	Bội chi ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
III	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP																								
	1. Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						344.871	332.117	12.754		343.967	331.213	12.754	150.713	15.906	134.807			139.556		139.556				
1	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	LX		B	2016-2023	NQ 24/NQ-UBND 06/2/17 NQ 24/NQ-UBND 11/7/2019	151.107	151.107			150.664	150.664		54.741	7.000	47.741			80.837		80.837			Trường CT TDT	
2	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh An Giang	LX	Xây dựng các khối công trình: Khối phòng học + HỒI trường 200 chỗ, 120 phòng học + 02 bãi trường 120 chỗ, 120 phòng học	B	2018 - 2022	24/NQ-UBND 11/12/2019	53.179	53.179			52.718	52.718		37.923	5.000	32.923			4.108		4.108			Ban QLDA ĐTXD&KVT DT AG	
3	Trường đại học nội trú THCS Trí Tôn	TT		B	đến hết năm 2021	01/NQ-UBND 5/5/2020	50.661	50.661			50.661	50.661		33.222	222	33.000			9.500		9.500			Ban QLDA ĐTXD&KVT DT AG	
5	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	PT	02/SL, các phòng chức năng, CT: 207SL, 02/SL, 1 số PCX, HTKT, CT mua sắm, thiết bị	C	Hết năm 2021	23/7/QĐ-UBND, 26/9/2019	14.512	4.648	9.864		14.512	4.648	9.864	2.948		2.948			1.700		1.700			Sở GD&ĐT	
7	Trường Cao đẳng nghề An Giang (giai đoạn 2)	LX	Cải tạo, xây dựng HT đa năng, khối 12 PTL...	C	2017-2020 và sau 2020	23/6/2016, 32/12/QĐ-UBND 31/10/2017, 43/6/QĐ-UBND 29/2/2021	28.522	28.522			28.522	28.522		5.008	3.670	1.338			20.662		20.662			Trường CDN	
8	Trường trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật An Giang	CP	Các khối: HCQT, Giảng đường, 12P khu B, 12P khu C	C	2020-2022	30/5/QĐ-UBND 13/10/2017	17.257	17.257			17.257	17.257		243	14	229			15.288		15.288			Ban QLDA ĐTXD&KVT DT AG	
9	Nâng cấp, mở rộng trường Trung cấp nghề Chợ Mới	CM	Thư	C	2017-2021	22/3/QĐ-UBND 15/9/2016, 14/8/QĐ-UBND 22/4/2020	29.633	26.743	2.890		29.633	26.743	2.890	16.628		16.628			7.441		7.441			Sở LĐTB&XH	
	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025																								
	a. Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025						155.292	145.728	9.564		143.041	132.832	10.209	337		337			128.642		128.642				
	Dự án đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư						155.292	145.728	9.564		143.041	132.832	10.209	337		337			128.642		128.642				
1	Cải tạo, sửa chữa Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú tỉnh	TT	Cải tạo, sửa chữa khối hành chính, khối học sinh	C	2021-2023	33/3/QĐ-UBND 24/02/2021	3.405	3.405			3.405	3.405							3.065		3.065			Ban QLDA ĐTXD&KVT DT AG	
2	Nâng cấp, mở rộng trường Trung cấp nghề Châu Đốc	CD	26,86m2	B	2021-2024	25/NQ-UBND 22/7/2021	75.588	66.024	9.564		65.068	54.859	10.209	337		337			58.465		58.465			Ban QLDA ĐTXD&KVT DT AG	
3	Cải tạo, xây dựng mới một số hạng mục thuộc Trường Cao đẳng y tế An Giang	LX	Cải tạo, xây dựng mới một số hạng mục thuộc Trường Cao đẳng y tế An Giang	C	2022-2023	59/BC-SGDĐT 24/9/2021	52.995	52.995			52.995	52.995							47.696		47.696			Ban QLDA ĐTXD&KVT DT AG	
4	Cải tạo, sửa chữa và bổ sung thiết bị Trường trung học phổ thông chuyên Thoại Ngọc Hầu	LX	Cải tạo, sửa chữa phòng thí nghiệm	C	2021-2023	35/3/QĐ-UBND 24/3/2021	9.594	9.594			9.594	9.594							8.635		8.635			Ban QLDA ĐTXD&KVT DT AG	
5	Cải tạo, nâng cấp Trường trung học phổ thông Nguyễn Văn Thoại	TS		C	2021-2023	11/3/QĐ-UBND 22/9/2021	13.710	13.710			11.979	11.979							10.781		10.781			Ban QLDA ĐTXD&KVT DT AG	
	b. Dự án hoàn thành sau năm 2025																								
	Dự án đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư																								
2	Chương trình ĐTXD cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Tuân thủ		B	2021-2025		178.480	178.480			178.480	178.480							126.700		126.700			Ban QLDA ĐTXD&KVT DT AG và Ban QLDA ĐTXD Khu vực các huyện, thị xã, thành phố	Công văn số 3831/VPHUBND-KGVX ngày 06 tháng 8 năm 2021
3	Trường THPT Trần Văn Thành	CP	Xây mới khối 12 phòng học 1.758m2 - thể thao	C	2021-2023	156/QĐ-UBND 27/01/2021	14.272	14.272			14.272	14.272							6.943		6.943			Ban QLDA ĐTXD&KVT DT AG	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Mã dự án (A.B.C)	Thủ tục HC- HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương					Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số Quyết định	Tổng vốn	Trong đó:	Số Quyết định	Tổng vốn	Trong đó:	Tổng số (NST)	Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu số kế toán	Vốn thu tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Tổng số (NST)	Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu số kế toán	Vốn thu tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương		
4	Dự án trường chuẩn quốc gia (cấp 2D CTDT)					#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!		
4.2	Huyện Châu Thành					88.890	88.890			88.890	88.890							40.001		40.001		
	1. Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	CT	Xây mới 06 PH, 10 phòng học tập, 01 phòng thí nghiệm, 01 phòng học tập, 01 phòng sinh hoạt tập thể và một số hạng mục khác.	B	2021-2024	25/NQ-HĐND 22/7/2021	61.417	61.417		61.417	61.417							27.638		27.638		Ban QLDA DT&DKVPT DT AG
	2. Trường THPT Vĩnh Bình	CT	Xây dựng mới 01 phòng học tập, 01 phòng sinh hoạt tập thể và một số hạng mục khác.	C	2021-2023	494/QĐ-UBND 10/9/2021	27.473	27.473		27.473	27.473							12.363		12.363		Ban QLDA DT&DKVPT DT AG
4.3	Huyện Chợ Mới					163.728	163.728			163.728	163.728							73.662		73.662		
	2. Trường THPT Võ Thành Trinh	CM	Liên tỉnh đầu tư 12.475 m2 (tính cả phần mở rộng thêm 2.333m2); Chi phí: 21 phòng học, một phòng học tập, một phòng sinh hoạt tập thể.	C	2021-2023	144/QĐ-UBND 26/1/2021	32.704	32.704		32.704	32.704		2307/QĐ-UBND 08/10/2021					14.701		14.701		Ban QLDA DT&DKVPT DT AG
	4. Trường THPT Huỳnh Thị Hoàng	CM	Xây mới 23 phòng học, 01 phòng học tập, 01 phòng sinh hoạt tập thể, 01 phòng thí nghiệm, 01 phòng sinh hoạt tập thể.	B	2021-2024	25/NQ-HĐND 22/7/2021	86.174	86.174		86.174	86.174							38.778		38.778		Ban QLDA DT&DKVPT DT AG
	9. Trường THPT Lương Văn Cù	CM	Xây mới 13 phòng học, 01 phòng học tập, 01 phòng sinh hoạt tập thể, 01 phòng thí nghiệm, 01 phòng sinh hoạt tập thể.	C	2021-2024	2092/QĐ-UBND 03/9/2020	44.850	44.850		44.850	44.850							20.183		20.183		Ban QLDA DT&DKVPT DT AG NTM 2022 (H&Đ)
IV	KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ					95.000	95.000			95.000	95.000							38.949		38.949		
	1. Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					95.000	95.000			95.000	95.000							38.949		38.949		
	Dự án đầu tư tăng cường trang thiết bị Trung tâm Công nghệ sinh học	LX	Các loại thiết bị	B	2016-2023	124/ĐND-TT 11/8/2015 24/NQ-HĐND 08/12/2017	95.000	95.000		95.000	95.000		2124/QĐ-UBND 07/10/2015 440/QĐ-UBND 03/9/2020					38.949		38.949		Trung tâm CNSTH tỉnh
V	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH					2.364.161	1.723.855	640.306		2.364.161	1.723.855	640.306						1.255.418		1.202.084		53.334
	1. Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					609.061	549.061	60.000		609.061	549.061	60.000						185.531		185.531		
1	Bệnh viện y học cổ truyền An Giang	LX	100 giường	B	2019-2023	24/NQ-HĐND 08/12/2017 24/NQ-HĐND 11/12/2017 25/NQ-HĐND 22/7/2021	214.514	154.514	60.000	214.514	154.514	60.000	2427/QĐ-UBND 22/9/2017 34/QĐ-UBND 20/02/2020 1934/QĐ-UBND 18/9/2021					107.795		107.795		Ban QLDA DT&DKVPT DT AG
2	Bệnh viện Sản - Nhi An Giang (Khối Sản 200 giường)	LX	diện tích 15.445 m ² , hệ thống 15 buồng, công trình phụ trợ, HTKT, TB xây lắp, TB chuyên môn.	B	2017-2021	24/NQ-HĐND 08/12/2017 25/NQ-HĐND 22/7/2021	369.807	369.807		369.807	369.807		1665/QĐ-UBND 31/05/2017 1564/QĐ-UBND 06/7/2020					63.136		63.136		Bệnh viện Sản Nhi AG
4	Bệnh viện đa khoa huyện Thoại Sơn	TS	Thêm 30 giường	C	2016-2022	1702/2015 3377/QĐ-UBND 09/11/2017 2472/QĐ-UBND 23/10/2020	24.740	24.740		24.740	24.740		2628/QĐ-UBND 21/9/2016 3895/QĐ-UBND 13/12/2017					12.600		12.600		Ban QLDA DT&DKVPT DT AG
	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					1.755.100	1.174.794	580.306		1.755.779	1.162.388	543.391						1.069.887		1.016.553		53.334
	a. Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025					1.755.100	1.174.794	580.306		1.755.779	1.162.388	543.391						1.069.887		1.016.553		53.334
	Dự án đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư					1.755.100	1.174.794	580.306		1.755.779	1.162.388	543.391						1.069.887		1.016.553		53.334
1	Bệnh viện Sản - Nhi An Giang (Khối Nhi 200 giường)	LX	200 giường	B	2021-2024	11/NQ-HĐND 10/07/2020	363.170	363.170		363.170	363.170		2146/QĐ-UBND 08/12/2020					326.720		326.720		Ban QLDA DT&DKVPT DT AG
2	Hàng cấp trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Sản - Nhi An Giang	LX	TTB	B	2021-2024	168/QĐ-TTg ngày 04/02/2021	480.612	43.692	436.920	480.005	40.000	400.005						92.637		39.323		53.334
3	Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh An Giang	LX	Trụ sở làm việc, TTB	B	2021-2024	11/NQ-HĐND 10/07/2020	47.564	47.564		46.944	46.944		2646/QĐ-UBND 16/11/2020					42.250		42.250		Ban QLDA DT&DKVPT DT AG
4	Mở rộng khu điều trị nội trú (nội trú 2) Bệnh viện ĐKTTAG	LX	300 giường	B	2021-2024	42/NQ-HĐND 08/12/2020	180.982	63.146	117.836	180.982	63.146	117.836						56.831		56.831		Bệnh viện ĐKTTAG
5	Mở rộng Bệnh viện Tim mạch An Giang (giai đoạn 2)	LX	140 giường	B	2024-2027	42/NQ-HĐND 08/12/2020	104.912	104.912		104.912	104.912							47.210		47.210		Ban QLDA DT&DKVPT DT AG
	Bệnh viện Mắt -Tai Mũi Họng - Răng Hàm Mũi tỉnh An Giang	LX	150 giường	B	2022-2025	11/NQ-HĐND 10/07/2020	272.571	272.571		272.571	272.571							241.148		241.148		Ban QLDA DT&DKVPT DT AG
6	Xây dựng môi trường Xanh và Khu Giải phẫu bệnh lý thuộc Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh	CD	Khu vực 01/01/2021, Khu vực 02/01/2021, Khu vực 03/01/2021, Khu vực 04/01/2021, Khu vực 05/01/2021, Khu vực 06/01/2021, Khu vực 07/01/2021, Khu vực 08/01/2021, Khu vực 09/01/2021, Khu vực 10/01/2021, Khu vực 11/01/2021, Khu vực 12/01/2021, Khu vực 13/01/2021, Khu vực 14/01/2021, Khu vực 15/01/2021, Khu vực 16/01/2021, Khu vực 17/01/2021, Khu vực 18/01/2021, Khu vực 19/01/2021, Khu vực 20/01/2021, Khu vực 21/01/2021, Khu vực 22/01/2021, Khu vực 23/01/2021, Khu vực 24/01/2021, Khu vực 25/01/2021, Khu vực 26/01/2021, Khu vực 27/01/2021, Khu vực 28/01/2021, Khu vực 29/01/2021, Khu vực 30/01/2021, Khu vực 31/01/2021, Khu vực 32/01/2021, Khu vực 33/01/2021, Khu vực 34/01/2021, Khu vực 35/01/2021, Khu vực 36/01/2021, Khu vực 37/01/2021, Khu vực 38/01/2021, Khu vực 39/01/2021, Khu vực 40/01/2021, Khu vực 41/01/2021, Khu vực 42/01/2021, Khu vực 43/01/2021, Khu vực 44/01/2021, Khu vực 45/01/2021, Khu vực 46/01/2021, Khu vực 47/01/2021, Khu vực 48/01/2021, Khu vực 49/01/2021, Khu vực 50/01/2021, Khu vực 51/01/2021, Khu vực 52/01/2021, Khu vực 53/01/2021, Khu vực 54/01/2021, Khu vực 55/01/2021, Khu vực 56/01/2021, Khu vực 57/01/2021, Khu vực 58/01/2021, Khu vực 59/01/2021, Khu vực 60/01/2021, Khu vực 61/01/2021, Khu vực 62/01/2021, Khu vực 63/01/2021, Khu vực 64/01/2021, Khu vực 65/01/2021, Khu vực 66/01/2021, Khu vực 67/01/2021, Khu vực 68/01/2021, Khu vực 69/01/2021, Khu vực 70/01/2021, Khu vực 71/01/2021, Khu vực 72/01/2021, Khu vực 73/01/2021, Khu vực 74/01/2021, Khu vực 75/01/2021, Khu vực 76/01/2021, Khu vực 77/01/2021, Khu vực 78/01/2021, Khu vực 79/01/2021, Khu vực 80/01/2021, Khu vực 81/01/2021, Khu vực 82/01/2021, Khu vực 83/01/2021, Khu vực 84/01/2021, Khu vực 85/01/2021, Khu vực 86/01/2021, Khu vực 87/01/2021, Khu vực 88/01/2021, Khu vực 89/01/2021, Khu vực 90/01/2021, Khu vực 91/01/2021, Khu vực 92/01/2021, Khu vực 93/01/2021, Khu vực 94/01/2021, Khu vực 95/01/2021, Khu vực 96/01/2021, Khu vực 97/01/2021, Khu vực 98/01/2021, Khu vực 99/01/2021, Khu vực 100/01/2021, Khu vực 101/01/2021, Khu vực 102/01/2021, Khu vực 103/01/2021, Khu vực 104/01/2021, Khu vực 105/01/2021, Khu vực 106/01/2021, Khu vực 107/01/2021, Khu vực 108/01/2021, Khu vực 109/01/2021, Khu vực 110/01/2021, Khu vực 111/01/2021, Khu vực 112/01/2021, Khu vực 113/01/2021, Khu vực 114/01/2021, Khu vực 115/01/2021, Khu vực 116/01/2021, Khu vực 117/01/2021, Khu vực 118/01/2021, Khu vực 119/01/2021, Khu vực 120/01/2021, Khu vực 121/01/2021, Khu vực 122/01/2021, Khu vực 123/01/2021, Khu vực 124/01/2021, Khu vực 125/01/2021, Khu vực 126/01/2021, Khu vực 127/01/2021, Khu vực 128/01/2021, Khu vực 129/01/2021, Khu vực 130/01/2021, Khu vực 131/01/2021, Khu vực 132/01/2021, Khu vực 133/01/2021, Khu vực 134/01/2021, Khu vực 135/01/2021, Khu vực 136/01/2021, Khu vực 137/01/2021, Khu vực 138/01/2021, Khu vực 139/01/2021, Khu vực 140/01/2021, Khu vực 141/01/2021, Khu vực 142/01/2021, Khu vực 143/01/2021, Khu vực 144/01/2021, Khu vực 145/01/2021, Khu vực 146/01/2021, Khu vực 147/01/2021, Khu vực 148/01/2021, Khu vực 149/01/2021, Khu vực 150/01/2021, Khu vực 151/01/2021, Khu vực 152/01/2021, Khu vực 153/01/2021, Khu vực 154/01/2021, Khu vực 155/01/2021, Khu vực 156/01/2021, Khu vực 157/01/2021, Khu vực 158/01/2021, Khu vực 159/01/2021, Khu vực 160/01/2021, Khu vực 161/01/2021, Khu vực 162/01/2021, Khu vực 163/01/2021, Khu vực 164/01/2021, Khu vực 165/01/2021, Khu vực 166/01/2021, Khu vực 167/01/2021, Khu vực 168/01/2021, Khu vực 169/01/2021, Khu vực 170/01/2021, Khu vực 171/01/2021, Khu vực 172/01/2021, Khu vực 173/01/2021, Khu vực 174/01/2021, Khu vực 175/01/2021, Khu vực 176/01/2021, Khu vực 177/01/2021, Khu vực 178/01/2021, Khu vực 179/01/2021, Khu vực 180/01/2021, Khu vực 181/01/2021, Khu vực 182/01/2021, Khu vực 183/01/2021, Khu vực 184/01/2021, Khu vực 185/01/2021, Khu vực 186/01/2021, Khu vực 187/01/2021, Khu vực 188/01/2021, Khu vực 189/01/2021, Khu vực 190/01/2021, Khu vực 191/01/2021, Khu vực 192/01/2021, Khu vực 193/01/2021, Khu vực 194/01/2021, Khu vực 195/01/2021, Khu vực 196/01/2021, Khu vực 197/01/2021, Khu vực 198/01/2021, Khu vực 199/01/2021, Khu vực 200/01/2021, Khu vực 201/01/2021, Khu vực 202/01/2021, Khu vực 203/01/2021, Khu vực 204/01/2021, Khu vực 205/01/2021, Khu vực 206/01/2021, Khu vực 207/01/2021, Khu vực 208/01/2021, Khu vực 209/01/2021, Khu vực 210/01/2021, Khu vực 211/01/2021, Khu vực 212/01/2021, Khu vực 213/01/2021, Khu vực 214/01/2021, Khu vực 215/01/2021, Khu vực 216/01/2021, Khu vực 217/01/2021, Khu vực 218/01/2021, Khu vực 219/01/2021, Khu vực 220/01/2021, Khu vực 221/01/2021, Khu vực 222/01/2021, Khu vực 223/01/2021, Khu vực 224/01/2021, Khu vực 225/01/2021, Khu vực 226/01/2021, Khu vực 227/01/2021, Khu vực 228/01/2021, Khu vực 229/01/2021, Khu vực 230/01/2021, Khu vực 231/01/2021, Khu vực 232/01/2021, Khu vực 233/01/2021, Khu vực 234/01/2021, Khu vực 235/01/2021, Khu vực 236/01/2021, Khu vực 237/01/2021, Khu vực 238/01/2021, Khu vực 239/01/2021, Khu vực 240/01/2021, Khu vực 241/01/2021, Khu vực 242/01/2021, Khu vực 243/01/2021, Khu vực 244/01/2021, Khu vực 245/01/2021, Khu vực 246/01/2021, Khu vực 247/01/2021, Khu vực 248/01/2021, Khu vực 249/01/2021, Khu vực 250/01/2021, Khu vực 251/01/2021, Khu vực 252/01/2021, Khu vực 253/01/2021, Khu vực 254/01/2021, Khu vực 255/01/2021, Khu vực 256/01/2021, Khu vực 257/01/2021, Khu vực 258/01/2021, Khu vực 259/01/2021, Khu vực 260/01/2021, Khu vực 261/01/2021, Khu vực 262/01/2021, Khu vực 263/01/2021, Khu vực 264/01/2021, Khu vực 265/01/2021, Khu vực 266/01/2021, Khu vực 267/01/2021, Khu vực 268/01/2021, Khu vực 269/01/2021, Khu vực 270/01/2021, Khu vực 271/01/2021, Khu vực 272																			

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Mạng lực thiết kế	Nhân dự án (A,B,C)	Thời gian KC-IT	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Lấy kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương					Chức năng đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng vốn	Trong đó:		Số Quyết định	Tổng vốn	Trong đó:		Tổng số (NST)	Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu xếp số kiến thiết	Vốn thu xếp số dự án đất	Bội chi ngân sách địa phương	Tổng số (NST)	Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu xếp số kiến thiết	Vốn thu xếp số dự án đất	Bội chi ngân sách địa phương		
								Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác			Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác												
7	Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trung tâm y tế cho Bệnh viện đa khoa khu vực Tân Châu	TC	Cải tạo, sửa chữa, TTB	C	2021-2023	1784/QĐ-UBND 30/12/2021	31.605	31.605		1029/QĐ-UBND 14/5/2021	31.584	31.584							28.426		28.426			Ban QLDA ĐTXD&KVPT ĐT AG	
9	Đầu tư trung tâm y tế Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (tỉnh An Giang) (CDC)	LX	TBYT	C	2021-2023	1409/QĐ-UBND 27/01/2021	21.934	21.934		16/QĐ-SXCHĐT 14/9/2021	21.510	21.510							19.741		19.741			Ban QLDA ĐTXD&KVPT ĐT AG	
11	Khu cách ly tập trung tại thị trấn Long Bình	AP	300 chỗ	C	2021		11.580	11.580		1408/QĐ-UBND 29/6/2021	11.580	11.580							11.580		11.580			Ban QLDA ĐTXD&KVPT ĐT AG	QĐ 1408/QĐ-UBND 29/6/2021 CV 3315/VPUHND-KGVX 14/7/2021
12	Khu cách ly tập trung tại Ấp Phò Hòa 1, xã Bình Hòa	CT	225 giường	C	2021		7.500	7.500											7.500		7.500			Ban QLDA ĐTXD&KVPT ĐT AG	CV 5311/VPUHND-KGVX 06/10/2021
13	Khu thu dung, điều trị bệnh nhân mắc bệnh Covid-19 tại xã Cấn Đăng, huyện Châu Thành	CT	300 giường + các thiết bị khác	B	2021		60.997	35.447	25.550	1961/QĐ-UBND 24/6/2021	60.997	35.447	25.550						31.415		31.415			Ban QLDA ĐTXD&KVPT ĐT AG	QĐ 1639/QĐ-UBND 16/7/2021
14	Cải tạo Trung tâm dạy nghề và giáo dục thường xuyên huyện An Phú thành khu cách ly tập trung 200 chỗ	AP	200 chỗ	C	2021		11.423	11.423		393/QĐ-SXD 13/10/2021	11.423	11.423							11.423		11.423			Ban QLDA ĐTXD&KVPT ĐT AG	QĐ 1639/QĐ-UBND 13/7/2021
16	Khu hồi sức cấp cứu điều trị bệnh Covid-19 của Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang và Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh	LX, CD		C	2021-2023		55.678	55.678		2399/QĐ-UBND 07/11/2021	55.677	55.677							52.505		52.505			Ban QLDA ĐTXD&KVPT ĐT AG	TĐ số 331/TTB-VPUHND ngày 01/9/2021
17	Đầu tư trung tâm y tế cho các cơ sở điều trị bệnh nhân Covid-19 theo chuẩn quy mô cấp 3 tầng	Toàn tỉnh		B	2021-2023		63.663	63.663		2399/QĐ-UBND 07/11/2021	63.663	63.663							63.663		63.663			Ban QLDA ĐTXD&KVPT ĐT AG	TĐ số 331/TTB-VPUHND ngày 01/9/2021
VI	VĂN HÓA, THÔNG TIN						#REF!	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!
1. Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025							268.619	258.837	9.782		268.636	258.754	9.782	54.850					178.028		178.028				
1	Nhà hội tỉnh An Giang	LX	28.000 m ²	B	2017-2030	2409/QĐ-UBND 09/12/2017	215.200	215.200		1155/QĐ-UBND 29/7/2021 2344/QĐ-UBND 20/9/2019	215.117	215.117		37.640					155.965		155.965			Ban QLDA ĐTXD&KVPT ĐT AG	
2	Nhà thiếu nhi huyện Chợ Mới	CM	Khu HT 400 chỗ, khu bệnh nhi, CTFC, HTKT, TB	B	2016-2019	2409/QĐ-UBND 09/12/2017 1109/QĐ-UBND 10/07/2020	53.419	43.637	9.782	2666/QĐ-UBND 28/9/2016 3373/QĐ-UBND 28/11/2017 2082/QĐ-UBND 01/09/2020	53.419	43.637	9.782	17.210					22.063		22.063				Thị trấn
2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	
a. Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025							#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	
Dự án đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư							#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	
1	Nhà thiếu nhi huyện An Phú	AP	500 chỗ	C	2016-2019	4409/QĐ-UBND 31/3/2016	38.464	37.464	1.000	2976/QĐ-UBND 28/10/2016	37.139	37.139		100					33.628		33.628				Thị trấn
2	Trồng tu, sửa chữa di tích đình Mỹ Hòa Hưng	LX	592 m ²	C	2020-2022	1878/QĐ-UBND 14/5/2020 1306/QĐ-UBND 28/4/2017	2.851	2.851		1766/QĐ-UBND 29/7/2021 3053/QĐ-UBND 29/12/2020	2.825	2.825		200					2.343		2.343			Ban QLDA ĐTXD&KVPT ĐT AG	
3	Trồng tu, sửa chữa di tích đình Mỹ Thới	LX	CT khởi đại đình: 501 m ² PCCC	C	2020-2022	1077/QĐ-UBND 14/5/2020 314/QĐ-UBND 05/6/2017	3.193	3.193		1766/QĐ-UBND 29/7/2021 3054/QĐ-UBND 29/12/2020	2.953	2.953		300					2.358		2.358			Ban QLDA ĐTXD&KVPT ĐT AG	
4	Trồng tu, sửa chữa di tích đình Vĩnh Hòa	TC	CT khởi đại đình: 332 m ² PCCC	C	2020-2022	1068/QĐ-UBND 13/5/2020 2344/QĐ-UBND 17/01/2017	3.024	3.024		1766/QĐ-UBND 29/7/2021 3053/QĐ-UBND 29/12/2020	2.805	2.805		200					2.325		2.325			Ban QLDA ĐTXD&KVPT ĐT AG	
5	Trồng tu, sửa chữa di tích đình Phước Hưng	AP	CT khởi đại đình: 348 m ² PCCC	C	2020-2022	1079/QĐ-UBND 14/5/2020 413/QĐ-UBND 10/02/2017	3.530	3.530		1766/QĐ-UBND 29/7/2021 3053/QĐ-UBND 29/12/2020	3.029	3.029		250					2.476		2.476			Ban QLDA ĐTXD&KVPT ĐT AG	
6	Trồng tu, sửa chữa di tích đình Vĩnh Trường	AP	CT khởi đại đình: 253 m ² PCCC	C	2020-2022	2811/ĐVHTTDL-VP 01/12/2020 226/QĐ-UBND 17/01/2017	2.940	2.940		1766/QĐ-UBND 29/7/2021 3051/QĐ-UBND 29/12/2020	2.080	2.080		200					1.672		1.672			Ban QLDA ĐTXD&KVPT ĐT AG	
7	Trồng tu, sửa chữa di tích đình Mỹ Đức	CP	CT khởi đại đình: 503 m ² PCCC	C	2020-2022	1067/QĐ-UBND 13/5/2020 2344/QĐ-UBND 17/01/2017	2.399	2.399		1766/QĐ-UBND 29/7/2021 3054/QĐ-UBND 29/12/2020	2.248	2.248		200					1.823		1.823			Ban QLDA ĐTXD&KVPT ĐT AG	
8	Tổ sở tập luyện và sinh hoạt của Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh An Giang	LX	Tin nh, HTKT	C	2021-2023	2631/QĐ-UBND 13/11/2020	8.821	8.821			8.821	8.821							7.939		7.939			Ban QLDA ĐTXD&KVPT ĐT AG	
VIII	THỂ DỤC, THỂ THAO						693.813	679.068	14.745		693.606	678.946	14.660	81.261					90.928		64.350				
1. Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025							135.132	120.387	14.745		134.925	120.265	14.660	81.261					26.578		26.578				
1	Nhà tập và nhà ở cho vận động viên thể thao	LX	DT 4.850m ² và công thức bị	B	2016-2020	2409/QĐ-UBND 09/12/2017	59.277	59.277		1855/QĐ-UBND 09/7/2016 2343/QĐ-UBND 25/7/2017	59.111	59.111		36.407					14.137		14.137			Sở VH-TT&DL	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Nhóm dự án (A,B,C)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Lấy kế bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương					Chủ đầu tư	Chức năng		
						Số Quyết định	Tổng vốn	Trong đó:		Số Quyết định	Tổng vốn	Trong đó:		Tổng số (NST)	Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu xếp số kiến thiết	Vốn thu xếp sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Tổng số (NST)	Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu xếp số kiến thiết	Vốn thu xếp sử dụng đất			Bội chi ngân sách địa phương	
								Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác			Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác													
4	Dây ghế ngồi khán đài 2.000 sân bóng đá Trường Năng khiếu thể thao tỉnh AG	LX	2000 chỗ	C	11/1/2021	2920/QĐ-UBND 26/10/2016	13.719	13.719		1310/QĐ-UBND 21/4/2017 1300/QĐ-UBND 12/4/2019	13.719	13.719		11.719		11.719			2.000		2.000			Sở VH-TT&DL		
5	Hồ bơi 50m TP Long Xuyên	LX	5.836m ²	C	2017-2020	1124/QĐ-UBND 25/4/2016	22.404	17.091	5.313	2665/QĐ-UBND 26/9/2016	22.363	17.135	5.228	14.511		14.511			2.555		2.555			Sở VH-TT&DL		
6	Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành	CT	- DTXD: 2.499 m ²	C	2016-2020	240/NQ-HĐND 08/12/2017 2699/QĐ-UBND 19/11/2020	39.732	30.300	9.432	1100/QĐ-UBND 10/4/2019 2013/QĐ-UBND 15/7/2016	39.732	30.300	9.432	18.624		18.624			7.886		7.886			Sở VH-TT&DL		
2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							558.681	558.681			558.681	558.681							64.350	64.350						
a. Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025							558.681	558.681			558.681	558.681							64.350	64.350						
Dự án đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư							558.681	558.681			558.681	558.681							64.350	64.350						
1	Tạo quỹ đất xây dựng Trung tâm đào tạo huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao tỉnh An Giang	LX	8.2195 ha	B	2021-2023	25/NQ-HĐND 22/7/2021	138.186	138.186			138.186	138.186							50.979	50.979				Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG		
2	Sân vận động tỉnh An Giang	LX	9.403 ha, các công trình 20.000 chỗ ngồi, Thảm cỏ và các hạng mục phụ trợ	B	2021-2024	25/NQ-HĐND 22/7/2021	415.124	415.124			415.124	415.124							8.000	8.000				Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG		
3	Cải tạo hồ bơi 50m và hồ bơi trẻ em tại Trung tâm đào tạo, huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	LX	- Cải tạo hồ bơi (50m) ngoài trời - Lắp đặt công trình hồ bơi mới và th...	C	2021-2023	1688/QĐ-UBND 22/7/2021	5.371	5.371			5.371	5.371							5.371	5.371				Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG		
IX. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG							#REF!	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!			
1. Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025							#REF!	#REF!	#REF!		#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!		#REF!	
2	Trang bị trạm quan trắc môi trường tự động tỉnh An Giang	1 huyện, 04, chính		B	Đến 2021	240/NQ-HĐND 11/12/2019; 42/NQ-HĐND 09/12/2020	64.133	64.133		QĐ 1471/QĐ-UBND 19/6/2019; 2193/QĐ-UBND 23/10/2019; 720/QĐ-UBND 31/5/2020; 1930/QĐ-UBND 18/8/2021	64.133	64.133		21.756	21.756				42.377	42.377				Sở TN&MT		
2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							197.128	189.630	7.498		197.128	189.630	7.498						82.415	74.917	7.498					
a. Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025							14.996	7.498	7.498		14.996	7.498	7.498						7.498		7.498					
Dự án đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư							14.996	7.498	7.498		14.996	7.498	7.498						7.498		7.498					
Nâng cấp và bổ sung trang thiết bị quan trắc và phân tích môi trường tỉnh An Giang							LX		C	2020-2022	2215/QĐ-UBND 21/8/2020	14.996	7.498	7.498					7.498		7.498			Sở TN&MT		
b. Dự án hoàn thành sau năm 2025							182.132	182.132			182.132	182.132							74.917	74.917						
Dự án đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư							182.132	182.132			182.132	182.132							74.917	74.917						
Đồng cơ, xử lý ô nhiễm môi trường các bãi rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang (xử lý 25 bãi rác ô nhiễm môi trường)							7 huyện thị	Xử lý 25 bãi rác	B	2021-2024	412/NQ-HĐND 09/12/2020	182.132	182.132						74.917	74.917				Sở TN&MT		
X.2 GIAO THÔNG							#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!		#REF!
1. Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025							#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!		#REF!
11	Đường số 8 và số 15 thuộc Khu quy hoạch Bắc Hà Hoàng Hố	LX	130m	C	2021-2023	2972/QĐ-UBND 10/12/2020	8.025	8.025		348/QĐ-SXD 05/9/2021	7.654	7.654							7.654		7.654			Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG		
b. Dự án hoàn thành sau năm 2025							174.180	174.180			174.180	174.180							2.000		2.000					
Dự án đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư							174.180	174.180			174.180	174.180							2.000		2.000					
2	Tạo quỹ đất và xây dựng cơ sở hạ tầng để bố trí trụ sở cơ quan, đơn vị và tái định cư thuộc khu quy hoạch Bắc Hà Hoàng Hố	LX	1,9ha	B	2021-2024	42/NQ-HĐND 08/12/2020	174.180	174.180			174.180	174.180							2.000		2.000			Ban QLDA DTXD&KVPY DT AG	Tạm ứng vốn Quỹ phân chia đất	
X.6 CÔNG NGHỆ THÔNG TIN							86.603	86.603			86.484	86.484							79.993	79.993						
2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							86.603	86.603			86.484	86.484							79.993	79.993						
a. Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025							86.603	86.603			86.484	86.484							79.993	79.993						
Dự án đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư							86.603	86.603			86.484	86.484							79.993	79.993						

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Phạm dự án (A,B,C)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương				Chủ đầu tư	Chỉ số				
						Số Quyết định	Tổng vốn	Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác	Số Quyết định	Tổng vốn	Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác	Tổng số (NST)	Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu số tiền thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Tăng số (NST)			Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu số tiền thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương
2	Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh An Giang	LX	Đầu tư hạng mục phần cứng và phần mềm	C	2021-2022	1767/QĐ-UBND ngày 28/7/2020	2.898	2.898		93/QĐ-SKHĐT ngày 30/9/2021	2.898	2.898						2.898	2.898				Ban Dân tộc tỉnh AG		
3	Thư viện điện tử tại Thư viện tỉnh An Giang	LX	TTB + phần mềm + CSDL	C	2021-2023	3719/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	5.511	5.511			5.511	5.511							5.500	5.500				Ban QLDA DTXD&KVPT DT AG	
4	Xây dựng hệ thống quản lý quy hoạch và phát triển đô thị tỉnh An Giang giai đoạn 2020-2025	LX	Phần cứng, phần mềm	C	2021-2023	218/QĐ-UBND ngày 05/02/2021	37.366	37.366			37.366	37.366							35.000	35.000				Sở Xây dựng	
5	Chuyển đổi dữ liệu hệ tích (giai đoạn 2)	Tuần tỉnh	2,7 triệu đô Bưu	C	2022-2024	2000/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	33.500	33.500			33.500	33.500							30.000	30.000				Sở Tư pháp	
6	Đầu tư trang thiết bị văn phòng phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo điều hành cho Mặt trận cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	Tuần tỉnh	Phần cứng, phần mềm	C	2021-2023	713/QĐ-UBND ngày 07/4/2021	7.328	7.328			7.209	7.209							6.595	6.595				Ban QLDA DTXD&KVPT DT AG	
XI	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI						378.630	251.630	127.000		377.764	251.357	126.407	400	400				226.598	226.598					
	1. Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						2.977	2.977			2.967	2.967							2.967	2.967					
i	Cải tạo trụ sở làm việc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi cục Thủy sản	LX	461m2	C	2020-2022	2610/QĐ-SXD ngày 05/11/2019 1800/QĐ-SXD ngày 30/7/2020	2.977	2.977			631/QĐ-SXD ngày 05/10/2020	2.967	2.967						2.967	2.967				Ban QLDA DTXD&KVPT DT AG	
	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						375.653	248.653	127.000		374.797	248.390	126.407	400	400				223.631	223.631					
	a. Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025						375.653	248.653	127.000		374.797	248.390	126.407	400	400				223.631	223.631					
	Dự án đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư						375.653	248.653	127.000		374.797	248.390	126.407	400	400				223.631	223.631					
1	Trụ sở làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên thuộc	LX		B	2021-2024	42/QĐ-UBND ngày 08/12/2020	73.339	73.339			73.339	73.339							66.005	66.005				Sở TN&MT	
2	Trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh	LX	14.913m ²	B	2020-2024	1311/QĐ-T&NDTC-KH&TC ngày 10/02/2020	152.000	25.000	127.000		151.407	25.000	126.407						22.500	22.500				Tòa án tỉnh	
3	Trụ sở Ban tiếp công dân	LX	1.051m2	C	2020-2022	QĐ 2047/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 QĐ 1189/QĐ-UBND ngày 27/5/2020	21.777	21.777			21.669	21.669		400	400				19.102	19.102				Văn phòng UBND tỉnh	
4	Cải tạo khối nhà hiện trạng và xây mới khối nhà làm việc Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	LX	Trụ sở làm việc 600 m ² , công trình cấp 4, HT&CT (sắp sửa và cải tạo)	C	2021-2023	1121/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	4.794	4.794			4.794	4.794							4.794	4.794				Ban QLDA DTXD&KVPT DT AG	
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	LX	Cải tạo, nâng cấp: 9000 m ² nội thất	C	2021-2023	1162/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	29.738	29.738			29.583	29.583							26.625	26.625				Ban QLDA DTXD&KVPT DT AG	
6	Trụ sở làm việc Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	LX	Trụ sở làm việc, công trình cấp 4, HT&CT (sắp sửa và cải tạo)	C	2021-2023	1119/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	33.875	33.875			33.875	33.875							30.488	30.488				Ban QLDA DTXD&KVPT DT AG	
7	Xây dựng mới và sửa chữa một số hạng mục Trụ sở làm việc Văn phòng tỉnh ủy	LX	4.684m2	B	2021-2025	80/Đ&CT 091A/B&C-KH&TC ngày 04/7/2021	60.130	60.130			60.130	60.130							54.117	54.117				Ban QLDA DTXD&KVPT DT AG	
XII	XÃ HỘI						147.244	129.741	17.503		147.244	129.741	17.503	234		234			117.691		117.691				
	1. Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						20.075	2.572	17.503		20.075	2.572	17.503						3.473		3.473				
i	Nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị cho các cơ sở cai nghiện ma túy	TT	Xây mới: nhà ở cho bộ phận lý, nhà cho 300 người...; Cải tạo: nhà ở mới phải điện dự phòng...	C	2019-2021	2159/QĐ-UBND ngày 31/12/2019, 2540/QĐ-UBND ngày 03/11/2020	20.075	2.572	17.503		1754/QĐ-UBND ngày 12/02/2020, 3010/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	20.075	2.572	17.503					3.473		3.473			Sở LĐTB&XH	
	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						127.169	127.169			127.169	127.169		234		234			114.218		114.218				
	a. Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025						127.169	127.169			127.169	127.169		234		234			114.218		114.218				
	Dự án đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư						127.169	127.169			127.169	127.169		234		234			114.218		114.218				
2	Mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh	CT	21.213,3 m ² , xây dựng Cổng hàng rào	B	2012-2025	02/QĐ-UBND ngày 09/01/2017	127.169	127.169			163/QĐ-UBND ngày 25/01/2018	127.169	127.169	234		234			114.218		114.218			Ban QLDA DTXD&KVPT DT AG	